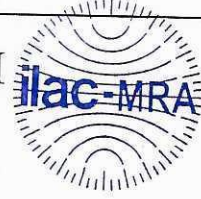


BN: 231026-006/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 2310832-01

(Thay thế 2310832 hết hiệu lực)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Analytical Results



Tên mẫu / Sample name : Sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung Kione Colostrum
Grow IQ

Dành cho trẻ 1-10 tuổi

Khách hàng / Client : CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC

Địa chỉ / Address : Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

Mô tả mẫu / Sample description : Mẫu dạng bột đựng trong bao bì kín

Nền mẫu / Matrix : Sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung Kione Colostrum
Grow IQ

Dành cho trẻ 1-10 tuổi

Số lượng mẫu / Number of sample: 01

Ngày nhận mẫu / Date of sample received : 26/10/2023

Ngày hẹn trả kết quả / Date of results delivery: 07/11/2023

Mã số mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Kết quả	LOD	Đơn vị	Phương pháp
2310832-01	Arsen (As) ^(*) (b)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Cadimi (Cd) ^(*) (b)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Thiếc (Sn)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Chì (Pb) ^(*) (b)	KPH	0.02	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Thủy ngân (Hg) ^(*) (b)	KPH	0.02	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Aflatoxin M ₁	KPH	0.025	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Aflatoxin B ₁	KPH	0.1	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Ochratoxin A	KPH	0.1	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Patulin	KPH	1.0	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Deoxynivalenol (DON)	KPH	100	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Zearalenone (ZON)	KPH	10	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Fumonisin	KPH	100	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018



BN: 231026-006/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 2310832-01

(Thay thế 2310832 hết hiệu lực)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Analytical Results

Mã số mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Kết quả	LOD	Đơn vị	Phương pháp
2310832-01	Melamin	KPH	1.0	mg/kg	Ref. TCVN 9048-2012
	<i>Staphylococci</i> dương tính với coagulase ^(*) (b)	<10	-	CFU/g	TCVN 4830-1:2005
	Nội độc tố của <i>Staphylococcus</i> (<i>Staphylococcal enterotoxin</i>)	KPH	-	/25g	TCVN 9582:2013
	<i>Listeria monocytogenes</i>	KPH	-	/25g	ISO 11290-1:2017
	<i>Salmonella</i> spp. ^(*) (b)	KPH	-	/25g	TCVN 10780-1:2017
	<i>Cronobacter sakazakii</i>	KPH	-	/25g	TCVN 7850:2018
	<i>Enterobacteriaceae</i> ^(*) (b)	<10	-	CFU/g	ISO 21528-2:2017



Ghi chú/Note :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử đã được mã hóa như trên / *The results only valid for the sample encoded as above*
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty / *The results shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director*
- ^(*) Phương pháp được Vilas công nhận / *The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS)*
- (a) Kết quả do nhà thầu phụ thực hiện / *The parameters tested by subcontractor*
- (b) Phòng thử nghiệm được chỉ định bởi Bộ Y Tế / *Lab approved by Ministry of Health*
- LOD: Giới hạn phát hiện / *Limit of detection.* KPH : Không phát hiện / *Not detected*
- Theo phương pháp thử, kết quả vi sinh được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/ml khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa / *According to the test method, the result of microbiology is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/ml when the dish contains no colony*
- Theo phương pháp thử, kết quả vi sinh được biểu thị là 0 MPN/g hoặc MPN/ml nghĩa là không có phản ứng cho thấy sự phát triển của vi sinh vật đích trong môi trường nuôi cấy / *According to the test method, the result of microbiology is expressed 0 MPN/g or MPN/ml as there is not reaction indicated growth of target microorganism in culture medium.*
- Đối với chất lượng của nước, kết quả vi sinh được biểu thị là 0 nghĩa là không có phát hiện khuẩn lạc trong thể tích mẫu được phân tích / *Water quality, the result of microbiology is expressed 0 as not detected colony in the sample volume tested.*

Phụ trách phòng thí nghiệm

Officer in charge of laboratory

[Signature]

ThS. Nguyễn Thanh Tân

Giám Đốc

Director



[Signature]
TS. Phạm Kim Phương